

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 3 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 485/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2022, giữa các Đ sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh G, sinh năm 1946.

- Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2021 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào năm 1976 ông G và bà N được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Trần Chí V, sinh năm 1981, Trần Thanh Đ, sinh năm 1983 (không có khả năng lao động và không có tài sản để nuôi sống bản thân), Trần Thanh Đ1, sinh năm 1985, Trần Hồng C, sinh năm 1987; đối với Trần Chí D, sinh năm 1975 (ông G xác định do anh D có hành vi chửi bới và xúc phạm ông G, nên ông G không thừa nhận là con ông D). Về tài sản chung có nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Ông G xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác.

Ông G yêu cầu ly hôn với bà N. Về con chung đối với các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lo được cuộc sống riêng, thì không yêu cầu xem xét giải quyết; đối với Trần Thanh Đ thỏa thuận giao cho bà N nuôi dạy và chăm sóc, ông G không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Bà N thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông G về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Về con chung có 05 người con (theo ông G trình bày 04 người con là đúng, còn 01 người con lớn tên Trần Chí D, sinh năm 1975 cũng là con chung giữa ông G và bà N), lý do ông G không thừa nhận D là con vì D chở bà N đi tìm kiếm và bắt ông G ngoại tình.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà N xác định do bà N nghi ngờ ông G ngoại tình nên có theo dõi và phát hiện ông G cùng người phụ nữ khác đến nhà trọ, sau đó giữa bà N và ông G xảy ra xô xát với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để trở lại cuộc sống hạnh phúc như ngày xưa, nhưng bà N vẫn không đồng ý ly hôn với mục đích là để làm gương cho các con trong gia đình.

Nay bà N không đồng ý ly hôn với G. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về con chung đối với các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự thì không yêu cầu xem xét giải quyết (đối với Trần Chí D ông G không thừa nhận là con chung thì bà N cũng không có yêu cầu gì); đối với con chung tên Trần Thanh Đ thì bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc, không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[2.1.2] Mỗi quan hệ vợ chồng giữa ông G và bà N được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa ông G và bà N được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên mỗi quan hệ vợ chồng giữa ông G và bà N là hôn nhân thực tế và hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Thông tư

liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.

[2.1.3] Xét về căn cứ cho ly hôn: Ông G cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, mà chỉ vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn; bà N cho rằng do nghi ngờ ông G ngoại tình nên theo dõi và phát hiện ông G cùng người phụ nữ khác đến nhà trọ để ngoại tình, nhưng bà N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc này. Bà N đã thừa nhận giữa bà N và ông G đã có xảy ra xô xát với nhau, làm cho vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn lại được để trở lại cuộc sống hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Như vậy, qua lời trình bày của bà N và sự cương quyết ly hôn của ông G thì chứng minh được quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà N hiện nay đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, có căn cứ để xác định ông G và bà N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này về sau thì sẽ không đảm bảo được hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho ông G được ly hôn với bà N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà N xác định vợ chồng có 05 con chung, ông G chỉ xác định có 04 con chung (đối với anh Trần Chí D không phải con ông G). Ông G chỉ căn cứ vào việc anh D xúc phạm ông G nên không thừa nhận là con của ông G; đối với bà N xác định anh D là con chung giữa bà N với ông G, còn việc ông G không thừa nhận anh D là con thì bà N cũng không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử xét thấy ông G không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh D không phải là con của ông G, anh D được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa ông G và bà N, nên anh D là con chung của ông G và bà N theo quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình. Thực tế, hiện nay Trần Chí D, Trần Chí V, Trần Thanh Đ1, Trần Hồng C có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lao động và lo được cuộc sống riêng và giữa ông G và bà N không có tranh chấp gì đối với các con chung đã trưởng thành này, nên không xem xét. Đối với anh Trần Thanh Đ ông G và bà N xác định không có khả năng lao động và không có tài sản để nuôi sống bản thân, giữa ông G và bà N thỏa thuận sau khi ly hôn thì bà N là người trực tiếp nuôi và chăm sóc anh Đ, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các Đ sự, không trái với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, nên cần ghi nhận và giao anh Trần Thanh Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà N; nếu

ông G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà N không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông G không phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông G và bà N không có yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí và có đơn xin miễn án phí nên được miễn, nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh G.

- Về hôn nhân: Cho ông Trần Thanh G ly hôn với bà Lê Thị N.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dạy anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1983 (không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi bản thân). Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà N; nếu ông G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông G không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Thanh G thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn T;
- Đ sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Năm

Nguyễn Công Trường

Trương Huỳnh Hải